

Số: 428/QĐ-MNNH

Nguyễn Huệ, ngày 03 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai ngân sách quý III năm 2024 của Trường mầm non Nguyễn Huệ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN HUỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc phê duyệt dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2024”;

Xét đề nghị của tổ văn phòng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu ngân sách quý III năm 2024 của Trường mầm non Nguyễn Huệ (theo Biểu mẫu số 03 đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông bà tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH nhà trường;
- Các tổ CM, VP;
- Website
- Lưu: VT, KT;



Đương Thị Bích Nhân

Số: 429/TB-MNNH

Nguyễn Huệ, ngày 03 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc phê duyệt dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2024”;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-MNNH ngày 03/10/2024 của Trường mầm non Nguyễn Huệ về việc công bố công khai ngân sách quý III năm 2024 của Trường mầm non Nguyễn Huệ;

Căn cứ tình hình thực hiện thu – chi nguồn ngân sách quý III năm 2024 của trường Mầm non Nguyễn Huệ;

Nhà trường Thông báo công khai thực hiện dự toán ngân sách nước quý III năm 2024 (theo biểu mẫu số 03 ngày 03/10/2024 đính kèm).

Hình thức và địa điểm công khai:

- + Bảng thông báo của Nhà trường.
- + Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trường mầm non Nguyễn Huệ thông báo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các bộ phận liên quan và các nhân được biết./.

Nơi nhận:

- BGH nhà trường;
- Các tổ CM, VP;
- Website;
- Lưu KT;

HIỆU TRƯỞNG


Đương Thị Bích Nhàn

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN HUỆ
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nguyễn Huệ, ngày 03 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 428/QĐ- MNNH ngày 03/10/2024 của trường Mầm non Nguyễn Huệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc phê duyệt dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2024”;

Trường Mầm non Nguyễn Huệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện đến quý III năm 2024	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu nộp ngân sách phí, lệ phí	135.350.000	135.350.000	100	-
I	Số thu phí, lệ phí	135.350.000	135.350.000	100,00	
1	Học phí	135.350.000	135.350.000	100,00	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	135.350.000	108.700.000	80,31	
1	Học phí	135.350.000	108.700.000	80,31	
1,1	Chi thanh toán cá nhân	70.785.000	70.785.000	#DIV/0!	
	Mục 6000: Tiền lương	-	-	#DIV/0!	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	34.720.191	34.720.191	100,00	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	36.064.809	36.064.809		
1,2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	32.190.000	22.390.000	69,56	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	6.000.000		-	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	8.000.000	7.265.000	90,81	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6700: Công tác phí	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	0	-	#DIV/0!	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	18.190.000	15.125.000	83,15	
1,3	Chi khác	32.375.000	15.525.000	47,95	
	Mục 7750: Chi khác	32.375.000	15.525.000	47,95	

VI	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác	-	0	#DIV/0!	0
VII	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	#DIV/0!	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước			#DIV/0!	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.102.796.221	1.630.857.401	31,96	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.856.718.221	1.474.917.401	30,37	
1.1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>4.026.967.221</u>	<u>1.360.187.147</u>	33,78	
	Mục 6000: Tiền lương	2.256.509.000	665.706.600	29,50	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	#DIV/0!	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.187.892.511	484.379.568	40,78	
	Mục 6200: Tiền thưởng	17.724.000	18.252.000	102,98	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	10.000.000	2.650.000	26,50	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	554.841.710	189.198.979	34,10	
1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>677.475.000</u>	<u>82.399.254</u>	12,16	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	34.000.000	7.838.454	23,05	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	139.000.000	43.011.800	30,94	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	4.600.000	2.634.000	57,26	
	Mục 6650: Hội nghị	-	-	#DIV/0!	
	Mục 6700: Công tác phí	9.500.000	3.480.000	36,63	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	52.150.400	-	-	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	248.224.600	19.435.000	7,83	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	#DIV/0!	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	190.000.000	6.000.000	3,16	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-		#DIV/0!	
1.3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>152.276.000</u>	<u>32.331.000</u>	21,23	
	Mục 7750: Chi khác	152.276.000	32.331.000	21,23	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	246.078.000	155.940.000	131	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	119.808.000	37.440.000	31,25	
	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu	7.770.000	0	-	
	Chi khác: Hỗ trợ học phí	118.500.000	118.500.000	100,00	


HIỆN TRƯỞNG
Đương Thị Bích Nhân